


PHỤ LỤC 17

(Kèm theo Thông tư số 28/2010/TT-BCT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương)

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

BORAX	Logo của doanh nghiệp
Số CAS: 1330-43-4 Số UN: Số đăng ký EC: Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có): Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):	

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

Tên thường gọi của chất: Sodium Borate	Mã sản phẩm (nếu có)
Tên thương mại: Borax pentahydrate	
Tên khác (không là tên khoa học): Hàn the	
Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ:	Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp: CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU HÓA CHẤT THỊNH PHÚC
Tên nhà sản xuất và địa chỉ:	Địa chỉ: Nhà số 9 Ngách 2 Ngõ 82 Đường Nguyễn Khuyến, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội. Email: hoachatthinhphuc@gmail.com Hotline: 0833 299 222 Website: www.hoachatthinhphuc.vn
Mục đích sử dụng: sử dụng trong ngành nông nghiệp, nhà máy giấy, thực phẩm	

II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Thành phần	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Borax pentahydrate	1330-43-4	Na ₂ B ₄ O ₇	100

III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

1. Mức xếp loại nguy hiểm (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...):

2. Cảnh báo nguy hiểm

- Cháy, nổ hoặc độc khi tiếp xúc;
- Ô xy hóa mạnh, ăn mòn mạnh, biến đổi tế bào gốc, độc cấp tính mãn tính đối với môi trường thủy sinh; - Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng.

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng

- Đường mắt: Có thể gây kích ứng mắt.
- Đường thở: Nồng độ cao của bụi có thể gây ho và nhẹ, kích thích tạm thời
- Đường da: Không gây kích ứng da
- Đường tiêu hóa: Một lượng nhỏ nuốt phải ngẫu nhiên để hoạt động xử lý bình thường không có khả năng gây thương tích, nuốt số lượng lớn hơn có thể gây ra các triệu chứng tiêu hóa. Có thể gây đau bụng, buồn nôn, nôn mửa và tiêu chảy.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt)

Kiểm tra và tháo bỏ kính sát tròng. Trong trường hợp tiếp xúc, ngay lập tức rửa mắt với nhiều nước trong vòng ít nhất là 15 phút. Nước lạnh có thể được sử dụng. Chăm sóc y tế nếu có khó chịu.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da)

Rửa bằng xà phòng và nước. Che phủ bề mặt da mẫn ngứa với chất làm mềm da. Tìm đến chăm sóc y tế nếu tình trạng khó chịu phát triển. Nước lạnh có thể được sử dụng.

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí)

Nếu hít phải, để không khí trong lành. Nếu không thể thở, hô hấp nhân tạo. Nếu việc thở gặp khó khăn, hãy lấy thêm khí oxi. Nhận y tế chú ý.

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất)

Không gây nôn mửa, trừ khi chỉ để làm như vậy bởi nhân viên y tế. Không bao giờ cho bất cứ điều gì vào miệng nạn bất tỉnh người. Nếu số lượng lớn các tài liệu này được nuốt, hãy gọi bác sĩ ngay lập tức. Nói lỏng quần áo như một cổ áo, cà vạt, thắt lưng hoặc dây thắt lưng.

5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị (nếu có)

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- Xếp loại về tính cháy** (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...): Sản phẩm không dễ cháy, dễ nổ.
- Sản phẩm tạo ra khi bị cháy:** Chưa có thông tin
- Các tác nhân gây cháy, nổ** (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát ...)
- Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác**
Tự chữa cháy, hoạt động như chất chống cháy. Bất kỳ phương tiện chữa cháy có thể sử dụng ở gần đó.
- Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy**
- Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ** (nếu có)

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ

Sử dụng các dụng cụ thích hợp để đổ chất lỏng tràn vào thùng chứa chất thải thuận tiện. Làm sạch bằng nước bề mặt bị ô nhiễm và vứt bỏ theo yêu cầu của chính quyền địa phương và khu vực.

2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng

Sử dụng xẻng để đưa vật liệu vào thùng chứa chất thải thuận tiện. Làm sạch hoàn toàn bằng cách rải nước vào bề mặt bị ô nhiễm và cho phép sơ tán qua hệ thống vệ sinh. Hãy cẩn thận rằng sản phẩm không có mặt tại nồng độ trên TLV. Kiểm tra TLV trên MSDS và với chính quyền địa phương.

VII. YÊU CẦU VỀ CÁT GIỮ

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm (thông gió, chỉ dùng trong hệ thống kín, sử dụng thiết bị điện phòng nổ, vận chuyển nội bộ...) Không tìm thấy cụm từ an toàn cụ thể nào áp dụng cho sản phẩm này.

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản (nhiệt độ, cách sắp xếp, các hạn chế về nguồn gây

cháy, nổ, các chất cần tránh bảo quản chung...)

Giữ bình chứa kín. Giữ bình chứa trong khu vực thoáng mát, thông gió tốt.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết (thông gió hoặc biện pháp giảm nồng độ hơi, khí trong khu vực làm việc, các biện pháp cách ly, hạn chế thời giờ làm việc ...)

Sử dụng thùng quy trình, thông gió thải cục bộ hoặc các công cụ kiểm soát kỹ thuật khác để giữ mức không khí dưới mức khuyến cáo giới hạn phơi nhiễm. Nếu hoạt động của người sử dụng tạo ra bụi, khói hoặc sương mù, sử dụng thông gió để tiếp xúc với chất gây ô nhiễm không khí dưới giới hạn phơi nhiễm.

2. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc

Kính an toàn, áo khoác phòng thí nghiệm. Mặt nạ phòng bụi. Hãy chắc chắn sử dụng khẩu trang đã được phê duyệt / chứng nhận hoặc tương đương. Găng tay.

3. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố

Kính an toàn, mặt nạ phòng bụi. Giày ủng. Găng tay. Cần phải sử dụng bộ máy thở tự chứa để tránh hít phải sản phẩm. Quần áo bảo hộ đề nghị có thể không đủ; Tham khảo ý kiến của một chuyên gia trước khi xử lý sản phẩm này.

4. Các biện pháp vệ sinh (tắm, khử độc...): Đảm bảo rằng các trạm rửa mắt và tắm an toàn

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý: rắn	Điểm sôi (°C): không có sẵn
Màu sắc: màu trắng	Điểm nóng chảy (°C): 741°C
Mùi đặc trưng: không mùi	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định:
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn:	Nhiệt độ tự cháy (°C):
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn :	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí):
Độ hòa tan trong nước: tan ít trong nước	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí):
Độ PH : 9.2	Tỷ lệ hóa hơi:
Khối lượng riêng (kg/m ³):	Các tính chất khác nếu có

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): hóa chất ổn định

2. Khả năng phản ứng:

- Khi đun nóng nó mất nước, cuối cùng hình thành borax khan. - Phản ứng với các tác nhân khử mạnh, chẳng hạn như một hidrua kim loại hoặc kiềm kim loại, sẽ tạo ra khí hydro, có thể tạo ra một mối nguy nổ - Phản ứng trùng hợp.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Borax	LD50	2400mg/kg 2000mg/kg	Hô hấp Da	Chuột Thỏ

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen ...): Không có sẵn

2. Các ảnh hưởng độc khác

Hơi nguy hiểm khi tiếp xúc với da (kích thích), ăn uống, hít phải.

Có thể gây ra các hiệu ứng sinh sản bất lợi.

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học

- Chỉ số BOD và COD: không có sẵn

- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: sản phẩm suy thoái ngắn hạn nguy hiểm có thể xảy ra

- Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: sản phẩm chính và các sản phẩm phân hủy không gây độc.

XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ

1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp) Chất thải phải được xử lý theo các quy định kiểm soát môi trường của liên bang, tiểu bang và địa phương.

2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải

3. Biện pháp tiêu hủy

4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý

XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải						

hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.						
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...						

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới (liệt kê các danh mục quốc gia đã tiến hành khai báo, tình trạng khai báo)

WHMIS (Canada): Không được kiểm soát theo WHMIS (Canada). **DSCL (EEC):** Sản phẩm này không được phân loại theo các quy định của EU. Không áp dụng. **HMIS (USA):**

Nguy hiểm sức khỏe: 1

Hỏa hoạn: 0

Phản ứng: 0

Bảo vệ cá nhân: E **Hiệp hội Chống cháy**

Quốc gia (Hoa Kỳ):

Sức khỏe: 1

Khả năng cháy: 0

Phản ứng: 0

2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký

3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 01-06-2024

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất:

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU HÓA CHẤT THỊNH PHÚC

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc